

Bản án số: 40/2024/HS-PT
Ngày: 02-5-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3 và ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Trương Văn N** do có kháng cáo của bị cáo **Trương Văn N** và bị hại **Đoàn Thanh T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2024/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Văn N, sinh năm 1986, tại Long An. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: **Ấp E, xã M, huyện T, tỉnh Long An**. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 09/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông **Trương Văn B**, sinh năm 1950 và bà **Võ Thị H**, sinh năm 1955. Vợ tên **Nguyễn Thị Phụng H1**, sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân chưa bị xử phạt hành chính, chưa có án tích. Bị tạm giam từ ngày 04-02-2020 đến ngày 30-7-2021 thì được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo **N**: Ông **Nguyễn Văn Đ** - Luật sư của **Công ty L**, thuộc **Đoàn luật sư Thành phố H** (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

Bà **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1988. Nơi đăng ký thường trú: **Số B đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Long An**. Chỗ ở hiện nay: **Ấp E, xã M, huyện T, tỉnh Long An** (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại **T**: Ông **Nguyễn Anh T1** – Luật sư Văn phòng **Nguyễn Anh T1** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh L**.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Không.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Phạm Văn C, Nguyễn Thị Phụng H1, Nguyễn Văn N1.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn N và ông **Phạm Văn C** cùng ngụ tại **ấp E, xã M, huyện T** có mối quan hệ họ hàng với nhau (bà nội của **Trương Văn N** và mẹ của ông **Phạm Văn C** là chị em ruột). Quá trình sinh sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn về ranh giới đất, sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25-10-2019, **Trương Văn N** điều khiển xe mô tô ba bánh (xe ba gác) về nhà cha mẹ ruột ở **ấp C, xã M, huyện T** thì xảy ra cự cãi với ông **Phạm Văn C** đang ngồi uống rượu gần nhà cha mẹ ruột của **N**. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, **Trương Văn N** chạy xe ba gác quay trở ra thì bị ông **Phạm Văn C** chặn đường, hai bên tiếp tục xảy ra cự cãi. Sự việc đã được **Công an xã M, huyện T** đến giải quyết.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bà **Đoàn Thanh T** là vợ của ông **Phạm Văn C** đi làm về nhà, nghe ông **C** kể lại sự việc cự cãi với **Trương Văn N**. Ngay sau đó, ông **C** điều khiển xe mô tô chạy trước, một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch điều khiển xe mô tô chở bà **Đoàn Thanh T** chạy theo sau đến cửa hàng điện nước “Út Nhàn” của **Trương Văn N** ở **ấp E, xã M, huyện T**. Tại đây, bà **Đoàn Thanh T** gặp chị **Nguyễn Thị Phụng H1** là vợ của **Trương Văn N** và ông **Nguyễn Văn N1** là cha ruột của chị **H1** đang đứng trước cửa tiệm. Bà **T** và chị **H1** xảy ra cự cãi, bà **T** xông vào đánh chị **H1** nhiều cái bằng tay, hai bên đánh nhau qua lại bằng tay. Ông **Nguyễn Văn N1** vào can ngăn nhưng không được. Cùng lúc này, ông **Phạm Văn C** chạy đến dùng tay đánh ông **Nguyễn Văn N1**. Người thanh niên không rõ lai lịch cũng đi vào dùng tay đánh ông **Nguyễn Văn N1**. Lúc này, **Trương Văn N** vừa về đến cửa hàng nhìn thấy vợ và cha vợ của mình bị đánh. Ngay lập tức, **Trương Văn N** chạy vào dùng tay đánh ông **C** một cái rồi vào trong nhà lấy 01 con dao tự chế làm bằng kim loại dài 57cm, rộng 03cm, đầu nhọn, cán dao được quấn keo đen dài 13cm, lưỡi dao dẹp mài sắc, sóng dao có hình răng cưa. **Trương Văn N** cầm dao trên tay phải, đánh chém liên tiếp khoảng 17 cái, trúng vào người và tay trái của bà **T**. Lúc đầu **N** sử dụng bẻ bản của dao đánh nhằm mục đích để cho bà **T** và chị **H1** buông ra, không đánh nhau nữa. Quá trình đánh, tay phải của **N** xoay chuyển, phần cạnh sắc của lưỡi dao trúng vào tay trái của bà **T** gây thương tích. Trong lúc **Trương Văn N** tấn công bà **T** thì ông **N1** dùng tay đánh nhau với ông **C**. Vụ việc đánh nhau diễn ra khoảng 02 phút, rồi các bên tham gia tự giải tán. Nội dung vụ việc được camera quan sát tại cửa hàng của **N** ghi nhận lại. Bà **Đoàn Thanh T** được đưa đến **Bệnh viện C1** điều trị đến ngày 28-10-2019 thì xuất viện.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có thu giữ tang vật của vụ án gồm:

- 01 (một) dao tự chế làm bằng kim loại dài 57cm, rộng 03cm, đầu nhọn, cán dao được quấn keo đen dài 13cm, lưỡi dao đẹp mài sắc, sóng dao có hình dạng răng cưa. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý chờ xét xử.

- 01 (một) USB màu xanh hiệu Kingston có chứa 02 file video trích xuất từ camera an ninh của cửa hàng điện nước Ú vào ngày 25-10-2019 (do chị Nguyễn Thị Phụng H1 giao nộp). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã lưu 02 file video trong 02 đĩa CD và chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận giám định số: 4170/KL-KTHS ngày 24/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C2 tại TP, kết luận: Nội dung 02 đoạn video không bị cắt, ghép, chỉnh sửa.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 222/TgT.19-PY ngày 25-12-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh L, kết luận về thương tích của bà Đoàn Thanh T như sau.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 (hai) sẹo vết thương lành liền da, kích thước 4,5cm x 0,2cm và 2cm x 0,1cm ở vùng 1/3 trên cẳng tay trái.

- 01 (một) sẹo vết thương lành, kích thước 11cm x 0,2cm ở 1/3 giữa cẳng tay trái.

- 01 (một) sẹo vết thương lành, kích thước 9cm x 0,2cm ở vùng cổ cẳng tay trái.

- Chức năng: Đã khâu gân duỗi các ngón bàn tay trái hiện tại ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ nhiều.

- Có bằng chứng tổn thương dây thần kinh quay bên trái.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đoàn Thanh T là 41%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 191/22/TgT ngày 24-10-2022 của Phân viện pháp y quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh, kết luận về thương tích của bà Đoàn Thanh T như sau.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước trung bình vùng 1/3 giữa cẳng tay trái. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo kích thước trung bình vùng 1/3 dưới cẳng, cổ tay trái. Tỷ lệ 02%.

- Tổn thương nhánh thần kinh quay trái. Tỷ lệ 13%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đoàn Thanh T là 16%.

Ngày 05-10-2023, **Sở Y tế tỉnh L** ban hành văn bản số 5239/CV-SYT xác định Bản kết luận giám định về thương tích số 222/TgT.19-PY ngày 25-12-2019 của **Trung tâm pháp y tỉnh L** là chưa phù hợp.

Trong quá trình điều tra, bị can **Trương Văn N** đã nộp 50.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 07-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã truy tố **Trương Văn N** về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Trương Văn N** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 38; Điều 50; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn N** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-02-2020 đến ngày 30-7-2021 là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự;

Buộc **Trương Văn N** phải bồi thường cho bà **Đoàn Thanh T** số tiền là 107.474.000 đồng, khấu trừ 50.000.000 đồng đã nộp trước, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 57.474.000 (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng.

Bà **Đoàn Thanh T** được nhận số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa ngày 07-01-2022, theo biên lai thu số 0000691.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, bị hại **Đoàn Thanh T** kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung vụ án theo hướng tăng nặng và tăng tiền bồi thường thiệt hại.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị cáo **Trương Văn N** kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung vụ án theo hướng tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Trương Văn N** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại mức bồi thường mà án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo đồng ý bồi thường theo số tiền mà cấp sơ thẩm lần 1 đã xác định là 83.238.000đ và đã nộp đủ.

Người bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường theo đơn yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm và yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí thẩm mỹ vết thương ở tay theo mức bị hại đã tham khảo nhiều cơ sở là 30.000.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Hoàn toàn ghi nhận và đề nghị giảm nhẹ hình phạt của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, đề nghị giảm án từ 03 đến 06 tháng là vẫn còn nghiêm khắc đối với bị cáo. Bởi vì, nếu gia đình bị hại không kéo đến nhà tấn công vợ và cha vợ bị cáo thì vụ án không thể xảy ra. Bị cáo tấn công bị hại mục đích muốn bảo vệ người thân. Bị cáo từ việc cho rằng không phạm tội nay đã thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã nộp đủ số tiền 83.238.000đ bồi thường cho bị hại (theo mức tuyên của bản án sơ thẩm lần 1) đã cho thấy sự chuyển biến về nhận thức và sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Hơn nữa, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, về trách nhiệm dân sự thì mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức bồi thường 83.239.000đ theo đúng như án sơ thẩm lần 1 đã xác định. Bởi vì, bị hại có quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bên sử dụng lao động mà không phải là đang đi làm rồi bị mất thu nhập. Ngoài ra, chi phí đi lại bị hại nêu ra không rõ ràng, hóa đơn thuốc chỉ là hóa đơn bán lẻ không hợp pháp, việc bị hại cho rằng cần phải thẩm mỹ vết sẹo ở cánh tay thì không có hóa đơn chứng từ nên không có căn cứ xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Bị cáo là thanh niên nhưng tấn công phụ nữ bằng hung khí là hành vi rất nguy hiểm; bị cáo có thể lựa chọn phương án can ngăn giữa 02 phụ nữ nên việc tấn công bằng dao là hoàn toàn không bị kích động về tinh thần hay vượt quá giới hạn phòng vệ mà đây là hành vi cố ý gây thương tích. Việc kết quả giám định khác nhau nhưng không triệu tập Giám định viên để làm rõ thương tích 16% trên cơ sở nào là thiếu sót. Bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền 107.474.000đ mà chỉ đồng ý bồi thường 83.238.000đ là chưa thật sự ăn năn. Về thẩm mỹ cho bị hại sẹo ở cánh tay mong Hội đồng xét xử xem xét và tách thành vụ kiện dân sự khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo **Trương Văn N** và bị hại **Đoàn Thanh T** trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo **Trương Văn N** có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi vụ án xét xử bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung vụ án theo hướng tuyên hủy bản án sơ thẩm, tại phiên tòa chỉ xin giảm nhẹ và xem lại mức bồi thường. Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy, cấp sơ thẩm đã xem

xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt mức án đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Bị cáo **N** kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là đã nộp thêm số tiền 33.238.000đ thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Bị hại kháng cáo tăng nặng nhưng xét nguyên nhân chính của vụ án là do vợ chồng bị hại cùng kéo đến nhà bị cáo đánh vợ và cha vợ bị cáo nên bị cáo có phần bức xúc. Do đó án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ và bị cáo có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm nên được xem xét giảm nhẹ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự cấp sơ thẩm đã xác định đúng số tiền bị cáo phải bồi thường, riêng chi phí thẩm mỹ thì chưa có hóa đơn chứng từ và chưa thực hiện nên dành quyền khởi kiện dân sự bằng vụ án khác khi có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b Khoản 1, Điều 355; Điều 356, 357 BLTTHS:

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Đoàn Thanh T**; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Trương Văn N** từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-02-2020 đến ngày 30-7-2021.

Tách việc phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo trên cánh tay của bị hại thành vụ kiện dân sự khác khi yêu cầu của bị hại **Đoàn Thanh T**.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin xử phạt bằng mức tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo **Trương Văn N** và bị hại **Đoàn Thanh T** kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm đúng theo quy định của Điều 340 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25-10-2019, bà Đoàn Thanh T, ông Phạm Văn C và một người thanh niên không rõ lai lịch đến cửa hàng điện nước của Trương Văn N ở ấp E, xã M, huyện T. Tại đây, T đã dùng tay đánh Nguyễn Thị Phụng H1 là vợ của N và hai bên đánh nhau bằng tay, ông Nguyễn Văn N1 là cha của chị H1 vào can ngăn thì ông N1 bị ông C và người thanh niên không rõ lai lịch đánh. Lúc này Trương Văn N về đến nhà thấy vợ và cha vợ bị đánh nên N đánh ông C một cái. Trong lúc T và H1 đánh nhau thì N lấy con dao tự chế và sử dụng bẻ bản đánh nhiều cái vào mông, lưng của bà T. Trong quá trình đánh tay của N xoay chuyển nên lưỡi dao trúng vào tay của bà T gây thương tích. Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 191/22/TgT ngày 24-10-2022 của Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đoàn Thanh T là 16%. Xét thấy hành vi của bị cáo N đã dùng dao tự chế, lưỡi dao sắc bén là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bà Đoàn Thanh T với tỷ lệ 16% đã đủ yếu tố cấu thành tội “cố ý gây thương tích”. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố để xét xử bị cáo Trương Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trương Văn N nhận thức được hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Mặc dù, khi về đến nhà bị cáo thấy bị hại T đang đánh nhau bằng tay với H1 (vợ bị cáo), ông C (chồng của T) và ông N (cha vợ bị cáo) tuy có kích động do lỗi bị hại đến nhà bị cáo. Nhưng việc, bị cáo đánh C bằng tay 01 cái rồi quay vào trong lấy 01 dao để tấn công bị hại T là hoàn toàn không bị kích động mạnh. Hơn nữa, việc 02 người phụ nữ đang giằng co và đánh nhau bằng tay không nên không thể xác định sự cần thiết phải chống trả của bị cáo đối với bị hại T để xem xét khả năng vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đáng của bị cáo. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng, không oan.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trương Văn N như sau: Xét thấy bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo cung cấp được biên lai nộp số tiền 33.238.000đ, là tổng cộng đã nộp đủ 83.238.000đ theo bản án sơ thẩm lần 01 là thể hiện sự ăn năn, bồi thường thiệt hại đã xảy ra. Hơn nữa, vụ án xảy ra có phần lỗi của bị hại cùng gia đình (03 người) qua nhà bị cáo chủ động xô xát với vợ và cha vợ của bị cáo. Bị cáo ăn năn hối cải, thành thật khai báo và nhận thức được hành vi vi phạm nên chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bản thân phạm tội lần đầu và chưa tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ 01 phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, án sơ thẩm khi

xét xử sơ thẩm lần 2 đã tăng số tiền bồi thường từ 83.238.000đ lên 107.474.000đ. Lý do xem xét thêm 04 tháng mất thu nhập và tính tiền tổn thất tinh thần theo mức lương cơ bản từ 1.490.000đ lên 1.800.000.000đ tại thời điểm xét xử sơ thẩm lần 02 là có căn cứ, đúng pháp luật. Hơn nữa, bị cáo kháng cáo không đặt ra vấn đề xem xét mức bồi thường của án sơ thẩm, tại phiên tòa mới thay đổi và đặt ra theo mức bồi thường của bản án sơ thẩm lần 01 đã bị hủy là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với phần trách nhiệm dân sự.

[5] Xét kháng cáo của bị hại:

Bị hại **Đoàn Thanh T** kháng cáo yêu cầu xử phạt bị cáo **N** theo hướng tăng nặng và tăng mức bồi thường nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác các chứng cứ đã nộp ở cấp sơ thẩm. Xét thấy, nguyên nhân vụ án xảy ra là do bị hại và những người bên bị hại (chồng bị hại và 01 thanh niên không rõ họ tên) đã chủ động đến nhà bị cáo và chủ động xô xát bằng tay với vợ bị cáo và cha vợ bị cáo, án sơ thẩm xử bị cáo 03 năm tù trên mức khởi khung (khung 2 quy định từ 02 năm đến 06 năm tù), trong khi bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại **T** đối với yêu cầu xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, việc bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu triệu tập giám định viên để giải thích kết quả giám định là không cần thiết vì án sơ thẩm đã phân tích rõ Văn bản số 5237/CV-SYT ngày 05/10/2023 của **Sở Y tế tỉnh L** đã xác định Bản kết luận giám định về thương tích số 222/TgT.19-PY ngày 25/12/2019 của **Trung tâm Pháp y tỉnh L** là chưa phù hợp vì còn thiếu sót khi thực hiện khoản 1 Điều 24 của Luật Giám định tư pháp nên cấp sơ thẩm không xem Bản kết luận giám định về thương tích số 222/TgT.19-PY ngày 25/12/2019 của **Trung tâm Pháp y tỉnh L** là chứng cứ. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào Kết luận giám định số 4170/KL-KTHS ngày 24/8/2022 của Phân viện Pháp y tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ thương tích 16% để xử lý là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị hại và đề nghị triệu tập giám định viên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự như đã phân tích ở mục [4] về lỗi của bị hại nên mức bồi thường được án sơ thẩm đã chấp nhận số tiền bồi thường 107.474.000đ là có căn cứ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận chi phí xe ôm được rước con bị hại đi học, tiền mất thu nhập lao động đến suốt đời, tổn thất tinh thần... tổng cộng 749.636.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Việc phẫu thuật thẩm mỹ cho bị hại **T** đối với vết sẹo trên cánh tay là hoàn toàn cần thiết cho việc khắc phục hậu quả cho thương tích. Tuy nhiên, bị hại mới đặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng chỉ mới là giá tham khảo, chưa thực hiện phẫu thuật và chưa có dự toán hợp pháp. Do đó, cần dành quyền khởi kiện cho bị hại **Đoàn Thanh T** khi có chứng cứ và yêu cầu khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Văn N** và chấp nhận một kháng cáo của bị hại **Đoàn Thanh T**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo **Trương Văn N** và bị hại **Đoàn Thanh T** đều không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Đoàn Thanh T** về phần hình phạt đối với bị cáo **Trương Văn N**.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Đoàn Thanh T** về phần trách nhiệm dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trương Văn N**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo **Trương Văn N** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; Điều 50; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn N** 01 (một) năm 05 (năm tháng) 26 (hai mươi sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-02-2020 đến ngày 30-7-2021 là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự;

Buộc **Trương Văn N** phải bồi thường cho bà **Đoàn Thanh T** số tiền là 107.474.000 đồng, chuyển số tiền 83.238.000 đồng sang khoản bị cáo **N** đã nộp trước sang khoản phải thi hành. Bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 24.236.000 đồng.

Bà **Đoàn Thanh T** được nhận số tiền 83.238.000 đồng bị cáo đã nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa ngày 07/01/2022, theo biên lai thu số 0000691 và biên lai số 0000100 ngày 03/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Dành quyền khởi kiện cho bà Đoàn Thanh T về yêu cầu phẫu thuật vết sẹo trên cánh tay bằng vụ kiện dân sự khác khi yêu cầu của bà T.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo Trương Văn N và bị hại Đoàn Thanh T đều không phải phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh